

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN



BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2021

TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021	01/01/2021
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		183.612.778.089	214.504.567.754
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.284.503.217	26.485.599.074
Tiền	111		5.284.503.217	26.485.599.074
Các khoản tương đương tiền	112			-
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	108.492.479.169	114.519.857.076
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		108.492.479.169	114.519.857.076
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.702.438.480	47.876.834.211
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	40.748.539.776	44.149.624.806
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.655.602.100	3.492.427.321
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	4.076.615.987	5.013.101.467
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(4.778.319.383)	(4.778.319.383)
IV Hàng tồn kho	140	V.7	16.133.999.383	15.864.354.999
Hàng tồn kho	141		16.133.999.383	15.864.354.999
V Tài sản ngắn hạn khác	150		5.999.357.840	9.757.922.394
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.889.762.343	4.483.164.654
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.811.643.525	5.274.757.740
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.0	297.951.972	-
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		264.492.678.332	277.202.910.220
I Các khoản phải thu dài hạn	210		8.292.634	8.292.634
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	8.292.634	8.292.634
II Tài sản cố định	220		194.588.362.417	204.659.356.110
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	193.872.052.081	203.793.970.107
1 Nguyên giá	222		795.975.004.596	793.896.356.043
1 Giá trị hao mòn lũy kế	223		(602.102.952.515)	(590.102.385.936)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.10	716.310.336	865.386.003
2 Nguyên giá	228		6.666.544.666	6.666.544.666
2 Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.950.234.330)	(5.801.158.663)
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	3.853.457.960	4.636.581.341
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.853.457.960	4.636.581.341
V Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	8.330.000	8.330.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8.330.000	8.330.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		66.034.235.321	67.890.350.135
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	66.034.235.321	67.890.350.135
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		448.105.456.421	491.707.477.974

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021	01/01/2021
C NỢ PHẢI TRẢ	300		215.858.867.394	266.401.398.836
I Nợ ngắn hạn	310		166.314.663.695	211.404.787.348
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	97.137.960.826	130.724.031.035
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	9.808.940.550	17.139.942.616
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	13.818.596.083	14.099.174.000
Phải trả người lao động	314		9.868.615.943	22.870.974.366
0 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	15.153.582.059	6.804.085.758
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	4.974.547.907	5.028.294.609
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	14.494.746.284	7.993.845.921
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	1.057.674.043	6.744.439.043
II Nợ dài hạn	330		49.544.203.699	54.996.611.488
Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	10.199.905.071	10.630.692.497
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	39.278.250.329	44.299.870.692
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	66.048.299	66.048.299
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		232.246.589.027	225.306.079.138
I Vốn chủ sở hữu	410	V.20	232.246.589.027	225.306.079.138
Vốn góp của chủ sở hữu	411		130.000.000.000	130.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		130.000.000.000	130.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		63.849.723.527	63.849.723.527
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		38.396.865.500	31.456.355.611
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		31.456.355.611	3.500.913.720
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6.940.509.889	27.955.441.891
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		448.105.456.421	491.707.477.974

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2021


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởngHUỖNH TUẤN ANH
Giám đốc

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021

Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		294.075.131.322	298.899.746.655
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		49.992.114	596.707.187
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	294.025.139.208	298.303.039.468
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	265.683.862.659	265.436.598.830
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.341.276.549	32.866.440.638
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	748.466.326	311.655.201
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	945.379.555	770.356.913
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		945.379.555	770.356.913
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	6.731.912.815	8.135.514.701
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	12.392.881.682	15.577.959.691
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.019.568.823	8.694.264.534
11. Thu nhập khác	31		289.615.813	11.669.218
12. Chi phí khác	32		780.868.088	(127.875.227)
13. Lợi nhuận khác	40		(491.252.275)	139.544.445
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.528.316.548	8.833.808.979
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	1.587.806.659	1.578.087.374
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.940.509.889	7.255.721.605
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	534	558
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10b	534	558

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2021



NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu



VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởng



HUỲNH TUẤN ANH
Giám đốc

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.528.316.548	8.833.808.979
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		12.149.642.246	11.189.566.196
- Các khoản dự phòng	03		-	2.423.072.736
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(748.466.326)	(311.655.201)
- Chi phí lãi vay	06		945.379.555	770.356.913
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20.874.872.023	22.905.149.623
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		423.142.677	(9.374.570.536)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(269.644.384)	1.767.281.540
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(39.785.396.140)	21.048.291.987
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.449.517.125	4.145.362.144
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.007.716.208)	(803.962.666)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.875.228.430)	(2.630.851.787)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		40.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.726.765.000)	(3.582.260.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(24.877.218.337)	33.474.440.305
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.570.183.759)	(6.913.925.605)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(82.833.246.826)	(63.661.448.389)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		88.860.624.733	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.664.881.623	893.818.563
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.122.075.771	(69.681.555.431)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		3.450.000.000	5.029.906.169
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.970.720.000)	(1.384.720.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		74.766.709	(13.110.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.554.046.709	3.632.076.169
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(21.201.095.857)	(32.575.038.957)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		26.485.599.074	64.195.166.006
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	5.284.503.217	31.620.127.049

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2021

NGUYỄN THỊ KIM LOAN

Người lập biểu

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH

Kế toán trưởng

HUỖNH TUẤN ANH

Giám đốc

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (tên giao dịch: Cho Lon Wasuco JSC) là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất lần thứ nhất ngày 02 tháng 06 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai số 0304797806 ngày 16 tháng 05 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Ông Lê Trọng Hiếu thay thế Ông Phạm Mạnh Đức.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ ba số 0304797806 ngày 18 tháng 5 năm 2018, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Huỳnh Tuấn Anh thay thế Ông Lê Trọng Hiếu

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 223/2010/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với số lượng 13.000.000 cổ phiếu niêm yết tương ứng 130.000.000.000 VND. Ngày 11 tháng 01 năm 2011, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CLW.

- **Vốn điều lệ** : 130.000.000.000 VND
 - Số cổ phiếu : 13.000.000 cổ phiếu
 - Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu
- **Trụ sở hoạt động**
 - Địa chỉ : Số 97 đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại : (84-28) 3 9552 354
 - Fax : (84-28) 3 9550 424
 - Mã số thuế : 0 3 0 4 7 9 7 8 0 6

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Ngành, nghề kinh doanh

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ: khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Lập dự án;
- Thăm tra thiết kế;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
- Đại lý ký gửi hàng hóa./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và báo cáo tài chính quý I năm 2020.

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 là 460 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 459 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là kỳ kế toán năm thứ 15 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nêu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nhận lại, các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá, đã mở thủ tục pháp sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc thiết bị	05 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 08
Phương tiện vận tải	06 – 10
Phương tiện truyền dẫn	10 – 30

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 2 - 3 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,... tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào "Tài sản cố định" khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên, chi phí gắn mới và thay thế đồng hồ nước, chi phí cải tạo ống mục và chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào "chi phí trả trước ngắn hạn"; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào "chi phí trả trước dài hạn".

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Chi phí thay đồng hồ nước định kỳ, chi phí thay đồng hồ tổng, cải tạo ống mục được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng làm việc, được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả bồi thường, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009. Năm nay Công ty đã hết được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

20. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2021	01/01/2021
Tiền mặt	41.021.376	3.768.754
Tiền gửi ngân hàng	5.243.481.841	26.481.830.320
Các khoản tương đương tiền (i)	-	-
Cộng	5.284.503.217	26.485.599.074

2. Đầu tư tài chính

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a) Ngắn hạn (i)	108.492.479.169	108.492.479.169	114.519.857.076	114.519.857.076
Tiền gửi có kỳ hạn	108.492.479.169	108.492.479.169	114.519.857.076	114.519.857.076
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn	97.920.097.709	97.920.097.709	85.811.250.116	85.811.250.116
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	10.572.381.460	10.572.381.460	28.708.606.960	28.708.606.960

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Dài hạn	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000
Các khoản đầu tư khác	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000
Cộng	108.500.809.169	108.500.809.169	114.528.187.076	114.528.187.076

- (i) Khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn với lãi suất từ 5,6% - 6,2%/ năm và Ngân hàng NN và PTNN Việt Nam với lãi suất từ 3,7% - 4,1%/ năm

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	8.174.460.416	-	12.316.959.482	-
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước	32.257.330.596	4.778.319.383	31.550.380.342	4.778.319.383
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ khác	316.748.764	-	282.284.982	-
Cộng	40.748.539.776	4.778.319.383	44.149.624.806	4.778.319.383

Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	8.174.460.416	-	12.316.959.482	-
Cộng	8.174.460.416	-	12.316.959.482	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/03/2021	01/01/2021
Công ty TNHH ĐTXD - Cấp Thoát Nước & Môi Trường WASEEN	582.520.039	-
Công ty TNHH XD Hồng Đăng	391.328.584	391.328.584
Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	111.342.205	65.430.760
Công ty TNHH Bảo Phú Nam	465.275.343	465.275.344
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	685.924.134	685.924.137
Công ty TNHH MTV CN Đồng Tâm Đồng Tiến	542.425.138	542.425.138
Cty TNHH Sản Xuất & XD Nhân Việt	534.837.377	534.837.377
Cty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn	856.800.000	-
Cty CP Xây Dựng Số 5	2.750.592.784	-
Các khách hàng khác	734.556.496	807.205.981
Cộng	7.655.602.100	3.492.427.321

Trong đó trả trước người bán là các bên liên quan

Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	111.342.205	65.430.760
Cộng	111.342.205	65.430.760

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Các khoản phải thu khác**

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	4.076.615.987	-	5.013.101.467	-
Phải thu về khoản cho mượn vật tư	3.419.187.319	-	2.575.112.457	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	262.645.829	-	2.179.061.126	-
Phải thu khác	249.382.839	-	258.927.884	-
Tạm ứng	145.400.000	-	-	-
b) Phải thu dài hạn khác	8.292.634	-	8.292.634	-
Ký quỹ dài hạn	8.292.634	-	8.292.634	-
Cộng	4.084.908.625	-	5.021.394.101	-

6. Nợ xấu

	31/03/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khách hàng	6.911.352.435	2.133.033.052	4.778.319.383	6.911.352.435	2.133.033.052	4.778.319.383
Cộng	6.911.352.435	2.133.033.052	4.778.319.383	6.911.352.435	2.133.033.052	4.778.319.383

Thuyết minh thông tin về các khoản nợ xấu

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,... theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

7. Hàng tồn kho

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	16.133.999.383	-	15.864.354.999	-
Cộng	16.133.999.383	-	15.864.354.999	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước**

	31/03/2021	01/01/2021
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	2.889.762.343	4.483.164.654
Công cụ dụng cụ	2.473.869.843	2.650.136.654
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	364.000.000	1.750.000.000
Chi phí dịch vụ khác	51.892.500	83.028.000
b) Chi phí trả trước dài hạn	66.034.235.321	67.890.350.135
Chi phí sửa chữa văn phòng	583.486.338	737.645.342
Gắn đồng hồ nước theo ND 117	14.502.874.220	16.635.417.917
Thay đồng hồ nước	42.787.967.526	41.833.329.689
Chi phí cải tạo ống mục phục vụ CTTN, thay đồng hồ tổng	8.159.907.237	8.683.957.187
Cộng	68.923.997.664	72.373.514.789

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2021	29.216.148.586	5.134.521.315	740.454.481.427	19.091.204.715	793.896.356.043
Tăng trong kỳ	-	277.150.000	1.830.354.577	-	2.107.504.577
Mua trong kỳ	-	277.150.000			277.150.000
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	1.830.354.577	-	1.830.354.577
Giảm trong kỳ	-	-	28.856.024	-	28.856.024
Thanh lý, nhượng bán	-	-			-
Giảm nguyên giá theo Quyết toán	-	-	28.856.024	-	28.856.024
31/03/2021	29.216.148.586	5.411.671.315	742.255.979.980	19.091.204.715	795.975.004.596
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2021	2.915.669.702	1.517.685.367	569.153.288.976	16.515.741.891	590.102.385.936
Tăng trong kỳ	146.382.621	389.411.157	11.120.905.203	343.867.598	12.000.566.579
Khấu hao trong kỳ	146.382.621	389.411.157	11.120.905.203	343.867.598	12.000.566.579
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
31/03/2021	3.062.052.323	1.907.096.524	580.274.194.179	16.859.609.489	602.102.952.515
Giá trị còn lại					
01/01/2021	26.300.478.884	3.616.835.948	171.301.192.451	2.575.462.824	203.793.970.107
31/03/2021	26.154.096.263	3.504.574.791	161.981.785.801	2.231.595.226	193.872.052.081
<i>Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng, chi tiết:</i>					
01/01/2021	-	623.466.486	341.795.798.335	13.216.435.029	355.635.699.850
31/03/2021	-	623.466.486	356.265.015.785	13.332.905.029	370.221.387.300

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm Quản lý	Cộng TSCĐ vô hình
Nguyên giá		
01/01/2021	6.666.544.666	6.273.444.666
Tăng trong kỳ	-	-
Mua trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
31/03/2021	6.666.544.666	6.666.544.666
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2021	5.801.158.663	5.801.158.663
Tăng trong kỳ	149.075.667	149.075.667
Khấu hao trong kỳ	149.075.667	149.075.667
Giảm trong kỳ	-	-
31/03/2021	5.950.234.330	5.950.234.330
Giá trị còn lại		
01/01/2021	865.386.003	865.386.003
31/03/2021	716.310.336	716.310.336
Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		
01/01/2021	5.074.186.666	5.074.186.666
31/03/2021	5.074.186.666	5.074.186.666

11. Tài sản dở dang dài hạn

	31/03/2021	01/01/2021
Xây dựng cơ bản dở dang	3.853.457.960	4.636.581.341
Công trình di dời đường ống	579.956.842	579.956.843
Công trình chống thất thoát nước	640.874.743	695.022.283
Công trình cải tạo ống mục	1.707.748.865	1.674.337.290
Công trình đầu tư ống cái	7.004.108	218.721.998
Công trình phát triển mạng lưới	917.873.402	1.468.542.927
Cộng	3.853.457.960	4.636.581.341

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	89.216.230.719	89.216.230.719	123.215.656.252	123.215.656.252
Công ty CP ĐT XD Kỳ Nguyên	1.028.746.763	1.028.746.763	1.003.194.321	1.003.194.321
Công ty CP Công nghệ Bách Việt	-	-	1.780.014.500	1.780.014.500
Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 5	-	-	1.018.299.894	1.018.299.894
Cty TNHH P.T.P	4.535.300.000	4.535.300.000		
Công ty TNHH ĐTXD CTN & Môi Trường WASEEN	-	-	1.321.011.627	1.321.011.627
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh	77.961.075	77.961.075	91.594.012	91.594.012
Nhà cung cấp khác	2.279.722.269	2.279.722.269	2.294.260.429	2.294.260.429
Cộng	97.137.960.826	97.137.960.826	130.724.031.035	130.724.031.035

Trong đó phải trả người bán là bên liên quan

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn	89.216.230.719	89.216.230.719	123.215.656.252	123.215.656.252
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh	77.961.075	77.961.075	91.594.012	91.594.012
Cộng	89.294.191.794	89.294.191.794	123.307.250.264	123.307.250.264

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/03/2021	01/01/2021
Tạm thu chi phí thiết kế ống ngầm	57.500.000	59.511.043
Tiền nước chưa giải trách	9.453.658.267	14.702.849.459
Các khách hàng khác	297.782.283	2.377.582.114
Cộng	9.808.940.550	17.139.942.616

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chi tiêu	01/01/2021	Số phải nộp	Số đã nộp	31/03/2021
Thuế Giá trị gia tăng nội địa	-	14.960.202.625	14.960.202.625	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.988.899.132	1.587.806.659	2.875.228.430	701.477.361
Thuế thu nhập cá nhân	212.600.939	1.530.805.908	2.041.358.819	(297.951.972)
Tiền nhà đất, tiền thuê đất	-	295.117.200		295.117.200
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí bảo vệ môi trường	11.897.673.929	27.445.892.748	26.521.565.155	12.822.001.522
Cộng	14.099.174.000	45.822.825.140	46.401.355.029	13.520.644.111

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/03/2021	01/01/2021
Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán.	817.373.752	1.114.023.741
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước theo nghị định 117	1.109.788.597	661.041.904
Trích trước chi phí sửa bể, TLMĐ sửa bể, nâng dờn ĐHN (TK 6272,1543)	898.070.122	4.059.933.951
Thù lao Hội đồng quản trị	238.678.695	216.178.695
Chi phí Lãi vay	378.379.013	440.715.666
Trích trước chi phí thuê tài sản	10.349.882.880	-
Chi phí khác	1.361.409.000	312.191.801
Cộng	15.153.582.059	6.804.085.758

16. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác	4.974.547.907	5.028.294.609
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	30.000.000	30.000.000
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	9.196.194	9.196.194
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	3.593.025.586	3.753.557.856
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	32.018.864	-
Cổ tức phải trả cho cổ đông	1.273.335.468	1.198.568.759
Các khoản phải trả khác	36.971.800	36.971.800
b) Phải trả dài hạn khác	10.199.905.071	10.630.692.497
Phải trả khách hàng đầu tư ống cái gắn đồng hồ nước	10.199.905.071	10.630.692.497
Cộng	15.174.452.978	15.658.987.106
Trong đó phải trả khác là bên liên quan		
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	30.000.000	30.000.000
Cộng	30.000.000	30.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vay và nợ tài chính**

		01/01/2021	Trong năm			31/01/2021		
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Kết chuyển nợ dài hạn	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a)	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	7.993.845.921	7.993.845.921	-	1.970.720.000	8.471.620.363	14.494.746.284	14.494.746.284
	Vay dài hạn Ngân hàng NN&PTNT đến hạn trả (i)	5.538.880.000	5.538.880.000	-	1.384.720.000	5.538.880.000	9.693.040.000	9.693.040.000
	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Thành (ii)	2.454.965.921	2.454.965.921	-	586.000.000	2.932.740.363	4.801.706.284	4.801.706.284
b)	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	44.299.870.692	44.299.870.692	3.450.000.000	-	(8.471.620.363)	39.278.250.329	39.278.250.329
	Ngân hàng NN&PTNT (i)	23.634.238.366	23.634.238.366	-	-	(5.538.880.000)	18.095.358.366	18.095.358.366
	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Thành (ii)	20.665.632.326	20.665.632.326	3.450.000.000	-	(2.932.740.363)	21.182.891.963	21.182.891.963
	Cộng	52.293.716.613	52.293.716.613	3.450.000.000	1.970.720.000	-	53.772.996.613	53.772.996.613

(i) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn :

Hợp đồng tín dụng : Số 6220-LAV-2017.01235/HĐTD ngày 30 ngày 11 tháng 2017.

Số tiền cho vay : 43.800.000.000 VND.

Thời gian cho vay : 8 năm (kể từ ngày giải ngân).

Thời gian ân hạn : 1 năm.

Lãi suất cho vay : 7,5%/ năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, điều chỉnh theo kỳ hạn 6 tháng/ lần hoặc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Kỳ thanh toán nợ gốc : Trả đều hàng quý, cùng kỳ với nợ lãi, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

Kỳ thanh toán lãi : Ngày 20 hàng quý (20/1, 20/4, 20/7 và 20/10).

Mục đích sử dụng vốn vay : Đầu tư thay mới ống mục trên địa bàn Quận 5, Quận 6, Quận 8 cho 16 dự án đã có Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay là Hệ thống đường ống cấp nước và các tài sản có liên quan do Agribank - Chi nhánh Chợ Lớn tài trợ theo

Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 6220-LCL-2017.01008/HTTL ngày 16/10/2017.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Thành

Hợp đồng tín dụng	: Số 0017/TD3.TC/19CD ngày 01 ngày 10 tháng 2019.
Số tiền cho vay	: 38.000.000.000 VND.
Thời gian cho vay	: 120 tháng (kể từ ngày giải ngân).
Thời gian ân hạn	: 1 năm.
Lãi suất cho vay	: 7,5%/ năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, chu kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/ lần.
Kỳ thanh toán nợ gốc	: 3 tháng/kỳ, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.
Kỳ thanh toán lãi	: Ngày 26 hàng tháng.
Mục đích sử dụng vốn vay	: Đầu tư dự án thay mới ống mục tại địa bàn Quận 5, Quận 6, Quận 8 TP. Hồ Chí Minh do Công ty làm chủ đầu tư.
Tài sản đảm bảo	: Không có.

Hợp đồng tín dụng	: Số 0002/TD3.TC/20CD ngày 08 ngày 6 tháng 2020.
Số tiền cho vay	: 1.339.000.000 VND.
Thời gian cho vay	: 120 tháng (kể từ ngày giải ngân).
Thời gian ân hạn	: 1 năm.
Lãi suất cho vay	: 9,2%/ năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, chu kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/ lần.
Kỳ thanh toán nợ gốc	: 3 tháng/kỳ, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.
Kỳ thanh toán lãi	: Ngày 30 hàng tháng.
Mục đích sử dụng vốn vay	: Đầu tư thay mới ống mục năm 2020 thuộc địa bàn Phường 4, 5, 8, 9, 10 Quận 8, TP. Hồ Chí Minh do Công ty làm chủ đầu tư.
Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay, hợp đồng thế chấp số 0197/2020/STN-HĐTC ngày 08/06/2020

Hợp đồng tín dụng	: Số 0004/TD3.TC/20CD ngày 12 ngày 8 tháng 2020.
Số tiền cho vay	: 4.343.000.000 VND.
Thời gian cho vay	: 120 tháng (kể từ ngày giải ngân).
Thời gian ân hạn	: 1 năm.
Lãi suất cho vay	: 9,2%/ năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, chu kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/ lần.
Kỳ thanh toán nợ gốc	: 3 tháng/kỳ, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.
Kỳ thanh toán lãi	: Ngày 30 hàng tháng.
Mục đích sử dụng vốn vay	: Đầu tư thay mới ống mục năm 2020 thuộc địa bàn Phường 16 Quận 8, TP. Hồ Chí Minh do Công ty làm chủ đầu tư.
Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay, hợp đồng thế chấp số 0295/2020/STN-HĐTC ngày 12/08/2020.

Hợp đồng tín dụng	: Số 0006/TD3.TC/20CD ngày 21 ngày 12 tháng 2020.
Số tiền cho vay	: 1.310.000.000 VND.
Thời gian cho vay	: 120 tháng (kể từ ngày giải ngân).
Thời gian ân hạn	: 1 năm.
Lãi suất cho vay	: 8,2%/ năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên,

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chu kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/ lần.

Kỳ thanh toán nợ gốc	: 3 tháng/kỳ, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.
Kỳ thanh toán lãi	: Ngày 30 hàng tháng.
Mục đích sử dụng vốn vay	: Đầu tư thay mới ống mục năm 2020 thuộc địa bàn Phường 16 Quận 8, TP. Hồ Chí Minh (Đợt 2) do Công ty làm chủ đầu tư.
Tài sản đảm bảo	: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Đầu tư thay mới ống mục năm 2020 thuộc địa bàn Phường 16 Quận 8, TP. Hồ Chí Minh (Đợt 2) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0681/2020/STN-HĐTC ngày 21 tháng 12 năm 2020.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/03/2021	01/01/2021
Trong vòng 1 năm	8.471.620.363	7.993.845.921
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	33.980.479.819	32.385.745.667
Sau 5 năm	11.320.896.431	11.914.125.025
Cộng	53.772.996.613	52.293.716.613
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(8.471.620.363)	(7.993.845.921)
Số phải trả sau 12 tháng	45.301.376.250	44.299.870.692

18. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Tại ngày 01 tháng 01	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Tăng/ (Giảm) khác	Tại ngày 31 tháng 03
Năm trước					
Quỹ khen thưởng	1.861.568.201	4.138.666.746	3.671.389.000	713.220.000	3.042.065.947
Quỹ phúc lợi	2.587.560.396	4.842.147.899	3.101.818.925	(700.000.000)	3.627.889.370
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	74.483.726	361.778.400	361.778.400	-	74.483.726
Cộng	4.523.612.323	9.342.593.045	7.134.986.325	13.220.000	6.744.439.043
Năm nay					
Quỹ khen thưởng	3.042.065.947	-	3.279.650.000	640.000.000	402.415.947
Quỹ phúc lợi	3.627.889.370	-	2.447.115.000	(600.000.000)	580.774.370
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	74.483.726	-	-	-	74.483.726
Cộng	6.744.439.043	-	5.726.765.000	40.000.000	1.057.674.043

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2020	130.000.000.000	63.849.723.527	26.493.506.769	220.343.230.296
Lãi trong năm trước	-	-	27.955.441.891	27.955.441.891
Trích lập các quỹ ĐTPPT – DPTC	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9.342.593.049)	(9.342.593.049)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	(13.650.000.000)	(13.650.000.000)
31/12/2021	130.000.000.000	63.849.723.527	31.456.355.611	225.306.079.138
01/01/2021	130.000.000.000	63.849.723.527	31.456.355.611	225.306.079.138
Lãi trong năm nay	-	-	6.940.509.889	6.940.509.889
Trích lập các quỹ ĐTPPT – DPTC	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-
31/03/2021	130.000.000.000	63.849.723.527	38.396.865.500	232.246.589.027

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	31/03/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 1/2021	Quý 1/2020
Doanh thu thuần		
Doanh thu cung cấp nước	287.615.454.934	293.697.442.476
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.409.684.274	4.605.596.992
Cộng	294.025.139.208	298.303.039.468

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 1/2021	Quý 1/2020
Giá vốn cung cấp nước	262.837.507.203	261.681.707.706
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.846.355.456	3.754.891.124
Cộng	265.683.862.659	265.436.598.830

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	740.385.496	297.590.827
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.080.830	14.064.374
Cộng	748.466.326	311.655.201

4. Chi phí tài chính

Lãi tiền vay	945.379.555	770.356.913
Cộng	945.379.555	770.356.913

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

Chi phí nhân viên bán hàng	5.465.546.686	7.292.246.743
Chi phí công cụ, dụng cụ	203.731.966	136.219.368
Chi phí khấu hao	688.992.837	290.676.771
Chi phí bằng tiền khác	373.641.326	416.371.819
Cộng	6.731.912.815	8.135.514.701

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	6.329.430.753	6.393.756.106
Chi phí đồ dùng văn phòng	532.270.113	471.040.847
Chi phí khấu hao	639.325.886	803.653.070
Thuế, phí và lệ phí	31.696.931	43.941.794
Thuê đất	298.117.200	600.000.000
Chi phí dự phòng	-	2.423.072.736
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.550.000	13.200.000
Chi phí bằng tiền khác	4.538.490.799	4.829.295.138
Cộng	12.392.881.682	15.577.959.691

7. Lợi nhuận khác

Thu nhập khác	289.615.813	11.669.218
Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	4.000.000	-
Khảo sát cung cấp đường ống cấp thoát nước	5.080.000	11.668.000
Phí bảo vệ môi trường 1% giữ lại	221.749.655	-
Thu nhập khác	58.786.158	1.218
Chi phí khác	780.868.088	(127.875.227)
Nộp thuế chậm nộp	75.882.305	-
Chi phí hồ sơ mời thầu	150.000	7.421.015
Chi phí đầu tư không hoàn vốn ống cái	-	(135.402.852)
Chi phí khác	704.835.783	106.610
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	(491.252.275)	139.544.445

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	8.528.316.548	8.833.808.979
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	5.124.690.052	8.668.380.370
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	3.403.626.496	165.428.609
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	203.155.032	19.789.947
Chi phí phạt nộp chậm, truy thu thuế	75.882.305	19.789.947
Lương HDQT không trực tiếp tham gia điều hành	127.272.727	-
Tỷ lệ ưu đãi đầu tư kinh doanh nước sạch	30%	22%
Thu nhập chịu thuế	8.731.471.580	8.853.598.926
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch được ưu đãi	1.584.876.567	1.926.324.117
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch không được ưu đãi	3.742.968.517	6.761.846.200
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	3.403.626.496	165.428.609
Thuế suất áp dụng		
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	10%	10%
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.587.806.695	1.578.087.374

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ năm 2007.

Theo Biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đó đến hết kỳ tính thuế năm 2018, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009.

Năm nay Công ty không còn được hưởng ưu đãi giảm thuế 50% đối với thu nhập từ hoạt động quản lý phát triển hệ thống cấp thoát nước. Chỉ còn được hưởng thuế suất 10%.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Quý 1/2021	Quý 1/2020
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.940.509.889	7.255.721.605
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.940.509.889	7.255.721.605
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	534	558

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Quý 1/2021	Quý 1/2020
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.940.509.889	7.255.721.605
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.940.509.889	7.255.721.605
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	6.940.509.889	7.255.721.605
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	13.000.000	13.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	534	558

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nước sạch	207.945.353.500	206.673.649.685
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.775.862.787	2.070.129.614
Chi phí nhân công	34.154.107.330	34.831.865.551
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.445.898.058	11.189.566.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.888.373.679	11.134.552.044
Chi phí khác bằng tiền	14.599.061.801	23.250.310.132
Cộng	284.808.657.156	289.150.073.222

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	31/03/2021	01/01/2021
Mua sắm/ xây dựng tài sản trong năm chưa thanh toán	-	9.017.957.215
Cổ tức chưa thanh toán	1.273.335.468	1.198.568.759
Lãi vay chưa thanh toán	378.379.013	440.715.666
Lãi tiền gửi còn dự thu	262.645.829	2.179.061.126

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	31/03/2021	01/01/2021
Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối năm trước đã thu trong năm nay	1.916.415.297	582.163.362
Cổ tức năm trước được chi trả trong năm nay	(74.766.709)	1.160.909.190

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn
Công ty Công trình giao thông Công Chánh
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước
Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh
Chi nhánh Cấp nước Tân Hòa
Công ty CP Cấp nước Nhà Bè

Mối quan hệ

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn Điều lệ)
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	Quý 1/2021	Quý 1/2020
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn		
Mua hàng hóa (nước sạch)	207.945.353.500	206.673.649.685
Phải trả do thu hộ và tiền dịch vụ khác	34.400.000	44.800.000
Công ty TNHH Thương Mại N.T.P		
Phải trả cung cấp dịch vụ	611.773.800	3.506.257.780

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/03/2021	01/01/2021
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn		
Phải thu thương mại	8.174.460.416	12.316.959.482
Phải trả thương mại	(89.216.230.719)	(123.215.656.252)
Công ty Công trình giao thông Công Chánh		
Phải trả đặt cọc di dời đường ống	(30.000.000)	(30.000.000)
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tư thiết kế, tư vấn giám sát công trình	111.342.205	65.430.760
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh		
Phải trả xây dựng cơ bản	(77.961.075)	(91.594.012)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

Đối tượng	Chức danh	Quý 1/2021	Quý 1/2020
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	126.547.961
Ông Huỳnh Tuấn Anh	Giám đốc / UV.HĐQT	139.886.283	136.992.637
Ông Nguyễn Anh Kiệt	Phó.Giám đốc	105.710.247	103.099.368
Bà Hồ Kim Phụng	Phó.Giám đốc	105.710.247	103.099.368
Bà Lại Thị Thu	Trưởng Ban Kiểm soát	-	103.099.368
Ông Hoàng Thanh Bình	Trưởng Ban Kiểm soát	105.710.247	-
Bà Vũ Thị Như Quỳnh	Kế toán trưởng	105.710.247	100.082.746
Trần Văn Châu	UV.HĐQT	18.181.818	18.181.818
Trần Quang Minh	UV.HĐQT	18.181.818	18.181.818
Đặng Đức Hiền	Chủ tịch Hội đồng quản trị	18.181.818	18.181.818
Lê Huy Hùng	UV.HĐQT	18.181.818	18.181.818
Nguyễn Thanh Phong	UV.HĐQT	18.181.818	18.181.818
Nguyễn Thị Bảo Châu	Thành viên BKS	9.090.909	9.090.909
Trương Thị Thanh Nhung	Thành viên BKS	9.090.909	9.090.909
Lê Thị Kim Xuyên	Thành viên BKS	9.090.909	9.090.909
Nguyễn Ngọc Lương	Thành viên BKS	9.090.909	9.090.909
Cộng		690.000.000	798.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động gồm: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (quận 5, quận 6, quận 8, quận Bình Tân).

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.17a và V.17b trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/03/2021	01/01/2021
Các khoản vay	53.772.996.613	52.293.716.613
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(5.284.503.217)	(26.485.599.074)
Nợ thuần	48.488.493.396	25.808.117.539
Vốn chủ sở hữu	232.246.589.027	225.306.079.138
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,21	0,11

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.284.503.217	5.284.503.217	26.485.599.074	26.485.599.074
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	108.500.809.169	108.500.809.169	114.528.187.076	114.528.187.076
Phải thu của khách hàng	35.970.220.393	31.191.901.010	39.371.305.423	34.592.986.040
Phải thu khác	270.938.463	270.938.463	2.187.353.760	2.187.353.760
Cộng	150.026.471.242	145.248.151.859	182.572.445.333	177.794.125.950

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Phải trả cho người bán	97.137.960.826	97.137.960.826	130.724.031.035	130.724.031.035
Chi phí phải trả	15.153.582.059	15.153.582.059	6.804.085.758	6.804.085.758
Phải trả khác	15.133.237.920	15.133.237.920	15.649.790.912	15.649.790.912
Các khoản vay	53.772.996.613	53.772.996.613	52.293.716.613	52.293.716.613
Cộng	181.197.777.418	181.197.777.418	205.471.624.318	205.471.624.318

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mức tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Toàn bộ các khoản vay của Công ty là từ Công ty mẹ và các Công ty trong cùng tập đoàn với lãi suất ổn định nên Công ty không có rủi ro về lãi suất.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng..).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.284.503.217	-	-	5.284.503.217
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	108.492.479.169	8.330.000	-	108.500.809.169
Phải thu của khách hàng	31.191.901.010	-	-	31.191.901.010
Phải thu khác	262.645.829	8.292.634	-	270.938.463
Cộng	145.231.529.225	16.622.634	-	145.248.151.859
Phải trả cho người bán	97.137.960.826	-	-	97.137.960.826
Chi phí phải trả	15.153.582.059	-	-	15.153.582.059
Phải trả khác	4.933.332.849	10.199.905.071	-	15.133.237.925
Các khoản vay	53.772.996.613	-	-	53.772.996.613
Cộng	170.997.872.347	10.199.905.071	-	181.197.777.423
Chênh lệch thanh khoản thuần	(25.766.343.122)	(10.183.282.437)	-	(35.949.625.559)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.485.599.074	-	-	26.485.599.074
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	114.519.857.076	8.330.000	-	114.528.187.076
Phải thu của khách hàng	34.592.986.040	-	-	34.592.986.040
Phải thu khác	2.179.061.126	8.292.634	-	2.187.353.760
Cộng	177.777.503.316	16.622.634	-	177.794.125.950
Phải trả cho người bán	130.724.031.035	-	-	130.724.031.035
Chi phí phải trả	6.804.085.758	-	-	6.804.085.758
Phải trả khác	5.019.098.415	10.630.692.497	-	15.649.790.912
Các khoản vay	52.293.716.613	-	-	52.293.716.613
Cộng	194.840.931.821	10.630.692.497	-	205.471.624.318
Chênh lệch thanh khoản thuần	(17.063.428.505)	(10.614.069.863)	-	(27.677.498.368)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2021


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởng




HUỲNH TUẤN ANH
Giám đốc

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BẢN GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2021

Theo báo cáo kết quả kinh doanh quý 1 năm 2021 của Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Chợ Lớn, những chỉ tiêu có tỷ lệ thay đổi tăng, giảm làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của quý 1 năm 2021 như sau:

I. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2021	Quý I năm 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Doanh thu nước	287.615.454.934	293.697.442.476	(6.081.987.542)	97,93%
Doanh thu cung cấp dịch vụ gồm:	6.409.684.274	4.605.596.992	1.804.087.282	139,17%
Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động	1.233.785.844	1.322.780.388	(88.994.544)	93,27%
Doanh thu chuyển nhượng vật tư	1.875.636.364	-	1.875.636.364	
Doanh thu dịch vụ	3.300.262.066	3.282.816.604	17.445.462	100,53%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	294.025.139.208	298.303.039.468	(4.277.900.260)	98,57%

b. Thuyết minh:

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 1 năm 2021 thấp hơn so với quý 1 năm 2020 là 4.277.900.260 đồng, tỷ lệ giảm 1,43% do:

1. Doanh thu nước giảm 6.081.987.542 đồng, tỷ lệ giảm 2,07% do:

Giá bán nước bình quân quý 1 năm 2021 tăng so với quý 1 năm 2020 là 380,5 đồng/m³, tỷ lệ tăng 103,60% làm cho doanh thu tăng 10.572.427.018 đồng,

Sản lượng nước cung cấp quý 1 năm 2021 giảm so với quý 1 năm 2020 là 1.567.802 m³, tỷ lệ giảm 5,6% làm cho doanh thu giảm 17.145.253.004 đồng

Doanh thu truy thu quý 1 năm 2021 cao hơn quý 1 năm 2020 là 490.838.444 đồng, tỷ lệ tăng 219,77%

2. Doanh thu cung cấp dịch vụ năm 2021 tăng so với năm 2020 là 1.804.07.282 đồng, tỷ lệ tăng 139,17%, do:

Doanh thu cho thuê TSCĐ huyện Bình Chánh quý 1 năm 2021 thấp hơn quý 1 năm 2020 là 88.994.544 đồng, tỷ lệ giảm 6,73%

Doanh thu chuyển nhượng vật tư quý 1 năm 2021 là 1.875.636.364 đồng, trong khi quý 1 năm 2020 không phát sinh khoảng doanh thu này

Doanh thu cung cấp dịch vụ quý 1 năm 2021 biến động không đáng kể so với quý 1 năm 2020

II. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2021	Quý I năm 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Giá vốn hàng bán nước	262.837.507.203	261.681.707.706	1.155.799.497	100,44%
Giá vốn hàng bán cung cấp dịch vụ gồm:	2.846.355.456	3.754.891.124	(908.535.668)	75,80%
Giá vốn dịch vụ	1.780.823.940	2.785.456.595	(1.004.632.655)	63,93%
Chi phí chuyển nhượng vật tư	71.000.000	-	71.000.000	
Chi phí KHTSCĐ cho thuê	994.531.516	969.434.529	25.096.987	102,59%
Cộng	265.683.862.659	265.436.598.830	247.263.829	100,09%

Trong đó chi tiết giá vốn nước:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2021	Quý I năm 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu - nước sạch	207.945.353.500	206.673.649.685	1.271.703.815	100,62%
Chi phí nguyên liệu, vật liệu khác	747.150.614	600.013.664	147.136.950	124,52%
Chi phí nhân công	22.359.129.891	21.145.862.702	1.213.267.189	105,74%
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.123.047.819	9.125.801.826	(2.754.007)	99,97%
Chi phí thuê tài sản hoạt động	10.349.882.880	11.121.352.044	(771.469.164)	93,06%
Chi phí gắn và thay đồng hồ nước	10.394.451.269	9.381.064.384	1.013.386.885	110,80%
Chi phí chống thất thoát nước	1.319.701.523	1.319.008.510	693.013	100,05%
Chi phí sửa bể	183.905.420	2.001.394.001	(1.817.488.581)	9,19%
Chi phí khác	414.884.287	313.560.890	101.323.397	132,31%
Tổng chi phí sản xuất	262.837.507.203	261.681.707.706	1.155.799.497	100,44%
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ	0	0	-	
Giá vốn đã cung cấp	262.837.507.203	261.681.707.706	1.155.799.497	100,44%

b. Thuyết minh

Tổng giá vốn bán hàng quý 1 năm 2021 tăng so với quý 1 năm 2020 là 247.263.829 đồng, tỷ lệ tăng 100,09% do:

- Tổng giá vốn nước quý 1 năm 2021 tăng so với quý 1 năm 2020 là 1.155.799.497 đồng, tỷ lệ tăng 100,44%

1. Chi phí mua si nước sạch tăng 1.271.703.815 đồng, tỷ lệ tăng 100,62% do:

Sản lượng nước mua si quý 1 năm 2021 giảm so với quý 1 năm 2020 là 1.741.756 m³, tỷ lệ giảm 5,08%, làm cho chi phí mua si nước sạch giảm 11.128.845.457 đồng

Giá mua si nước sạch tăng 361,67 đồng/m³, tỷ lệ tăng 106% làm cho chi phí mua si nước sạch tăng 12.400.549.271 đồng.

2. Chi phí nguyên vật liệu khác tăng 147.136.950 đồng, tỷ lệ tăng 124,52%

3. Chi phí nhân công quý 1 năm 2021 tăng với quý 1 năm 2020 là 1.213.267.189 đồng, tỷ lệ tăng 105,74%. Chi phí tăng chủ yếu là tiền lương, tiền com do có sự dịch chuyển nhân sự từ bộ phận bán hàng sang bộ phận sản xuất trực tiếp.

4. Chi phí khấu hao tài sản cố định quý 1 năm 2021 biến động không đáng kể so với quý 1 năm 2020

5. Chi phí thuê TSCĐ quý 1 năm 2021 giảm so với quý 1 năm 2020 là 771.469.164 đồng, tỷ lệ giảm 6,94%.

6. Chi phí gắn và thay ĐHN quý 1 năm 2021 tăng so với quý 1 năm 2020 là 1.013.386.885 đồng, tỷ lệ tăng 110,80%.

7. Chi phí sửa bể quý 1/2021 giảm so với quý 1/2020 là 1.817.488.581 đồng, tỷ lệ giảm 90,81%

- Giá vốn hàng bán cung cấp dịch vụ quý 1 năm 2021 giảm so với quý 1 năm 2020 là 908.535.668 đồng, tỷ lệ giảm 24,20%, do:

+ Giá vốn dịch vụ quý 1 năm 2021 thấp hơn quý 1 năm 2020 là 1.004.632.655g, tỷ lệ giảm là 36,07%

+ Chi phí khấu hao TSCĐ cho thuê biến động không đáng kể so với quý 1 năm 2020

+ Chi phí chuyển nhượng vật tư quý 1 năm 2021 là 71.000.000 đồng, trong khi quý 1 năm 2020 không phát sinh khoản chi phí này.

III. CHI PHÍ BÁN HÀNG

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2021	Quý I năm 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	5.465.546.686	7.292.246.743	(1.826.700.057)	74,95%
Chi phí công cụ dụng cụ	203.731.966	136.219.368	67.512.598	149,56%
Chi phí khấu hao	688.992.837	290.676.771	398.316.066	237,03%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	373.641.326	416.371.819	(42.730.493)	89,74%
Cộng	6.731.912.815	8.135.514.701	(1.403.601.886)	82,75%

b. Thuyết minh:

Chi phí bán hàng quý 1 năm 2021 giảm 1.403.601.886 đồng so với quý 1 năm 2020, tỷ lệ giảm 17,25% do:

1) Chi phí nhân công giảm 1.826.700.057 đồng so với quý 1 năm 2020, tỷ lệ giảm 25,05% do: do có sự dịch chuyển nhân sự từ bộ phận bán hàng sang bộ phận sản xuất trực tiếp

2) Chi phí công cụ dụng cụ tăng 67.512.598 đồng so với quý 1 năm 2020, tỷ lệ 149,56%

3) Chi phí khấu hao tăng 398.316.066 đồng, tỷ lệ tăng 237,03%

4) Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác giảm so với quý 1 năm 2020 là 42.730.493 đồng, tỷ lệ giảm 10,26%

IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2021	Quý I năm 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân viên quản lý	6.329.430.753	6.393.756.106	(64.325.353)	98,99%
Chi phí đồ dùng văn phòng	532.270.113	471.040.847	61.229.266	113,00%
Chi phí khấu hao TSCĐ	639.325.886	803.653.070	(164.327.184)	79,55%
Thuế, phí và lệ phí	31.696.931	43.941.794	(12.244.863)	72,13%
Thuê đất	298.117.200	600.000.000	(301.882.800)	49,69%
Chi phí dự phòng	-	2.423.072.736	(2.423.072.736)	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.550.000	13.200.000	10.350.000	178,41%
Chi phí bằng tiền khác	4.538.490.799	4.829.295.138	(290.804.339)	93,98%
Cộng	12.392.881.682	15.577.959.691	(3.185.078.009)	79,55%

b. Thuyết minh:

Chi phí quản lý doanh nghiệp quý 1 năm 2021 giảm so với quý 1 năm 2020 là 3.185.078.009 đồng, tỷ lệ giảm 20,45% chủ yếu do:

1. Chi phí nhân viên quý 1 năm 2021 giảm so với quý 1 năm 2020 là 64.325.353 đồng, tỷ lệ giảm 1,01%

2. Chi phí đồ dùng văn phòng tăng 61.229.266 đồng, tỷ lệ tăng 113%

3. Chi phí khấu hao giảm 164.327.184 đồng, tỷ lệ giảm 20,45%

4. Thuế, phí và lệ phí quý 1 năm 2021 giảm 12.244.863 đồng so với quý 1 năm 2020, tỷ lệ giảm 27,87%

5. Tiền thuê đất giảm 301.882.800 đồng, tỷ lệ giảm 50,31% do, quý 1 năm 2021 Công ty hạch toán tiền thuê đất 3 tháng đầu năm 2021, còn quý 1 năm 2020 Công ty hạch toán tiền thuê đất 6 tháng

6. Chi phí dự phòng quý 1 năm 2021 thấp hơn quý 1 năm 2019 là 2.423.072.736 đồng. Do quý 1 năm 2021 Công ty không trích khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi tiền nước, trong khi quý 1 năm 2020 Công ty trích trước khoản chi phí này là 2.423.072.736 đồng.

7. Chi phí dịch vụ mua ngoài tăng 10.350.000 đồng tỷ lệ tăng 178,41%

IV. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2021	Quý I năm 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Tiền gửi có kỳ hạn	740.385.496	297.590.827	442.794.669	248,79%
Tiền gửi không kỳ hạn	8.080.830	14.064.374	(5.983.544)	57,46%
Cộng	748.466.326	311.655.201	436.811.125	240,16%

Doanh thu hoạt động tài chính của quý 1 năm 2021 cao hơn 436.811.125 đồng so với quý 1 năm 2020, tỷ lệ tăng 240,16%, do quý 1 năm 2021 lượng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn đáo hạn nhiều hơn quý 1 năm 2020.

IV. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2021	Quý I năm 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí lãi vay	945.379.555	770.356.913	175.022.642	122,72%
Cộng	945.379.555	770.356.913	175.022.642	122,72%

b. Thuyết minh:

Chi phí hoạt động tài chính quý 1 năm 2021 tăng so với quý 1 năm 2020 là 175.022.642 đồng, tỷ lệ tăng 122,72% do năm 2021 Công ty phải thanh toán lãi vay của các dự án năm 2017, 2018, 2019 và 2020 đã được giải ngân trong năm 2018 đến năm 2020.

V. THU NHẬP KHÁC

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2021	Quý I năm 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	4.000.000,0	-	4.000.000	
Khảo sát cung cấp đường ống cấp thoát nước	5.080.000	11.668.000	(6.588.000)	43,54%
Phí BVMT 1% giữ lại	221.749.655	0	221.749.655	
Thu nhập khác	58.786.158	1.218	58.784.940	4826449,75%
Cộng	289.615.813	11.669.218	277.946.595	2481,88%

b. Thuyết minh:

Thu nhập khác của quý 1/2021 tăng 277.946.595 đồng so với quý 1/2020, tỷ lệ tăng 2481,88% do:

1) Thu nhập bán hồ sơ mời thầu quý 1 năm 2021 là 4.000.000 đồng, trong khi quý 1 năm 2020 không phát sinh khoảng doanh thu này

2) Doanh thu khảo sát cung cấp đường ống thoát nước giảm 6.588.000 đồng so với quý 1 năm 2020, tỷ lệ giảm 56,46%

3) Quý 1 năm 2021 hạch toán phí bảo vệ môi trường 1% giữ lại là 221.749.655 đồng, được hạch toán vào thu nhập khác theo TT 53/2020 ngày 05 tháng 05 năm 2020

4) Thu nhập khác tăng 58.784.940 đồng so với quý 1 năm 2020 do: thu tiền phạt vi phạm hợp đồng lao động theo quyết định 188/QĐ- CNCL-TCHC ngày 24/12/2020 số tiền 26.409.500 đồng và kết chuyển thu nhập khác công nợ tiền nước đã thu chưa giải trách năm 2016 đến 2018 số tiền 24.212.355 đồng.

VI. CHI PHÍ KHÁC

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2021	Quý I năm 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí hồ sơ mời thầu	150.000	7.421.015	(7.271.015)	2,0%
Tiền phạt chậm nộp thuế TNDN theo BBKTNN 2019	75.882.305	-	75.882.305	
Chi phí đầu tư không hoàn vốn ống cái	-	(135.402.852)	135.402.852	0,0%
Chi phí khác	704.835.783	106.610	704.729.173	661134,8%
Cộng	780.868.088	(127.875.227)	908.743.315	710,6%

b. Thuyết minh:

Chi phí khác của quý 1 năm 2021 tăng so với quý 1 năm 2020 là 908.743.315 đồng, tỷ lệ tăng 710,6% do:

Chi phí hồ sơ mời thầu quý 1 năm 2021 thấp hơn quý 1 năm 2020 là 7.271.015%, tỷ lệ giảm 98%

Quý 1 năm 2021 phát sinh khoản phí phạt do nộp thuế chậm nộp là 75.882.305 đồng (Theo thông báo kết quả kiểm toán số 663/TB-KV IV ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Đoàn kiểm toán nhà nước), Quý 1 năm 2020 không phát sinh khoản phí phạt do nộp thuế chậm nộp

Chi phí khác tăng 704.729.173 đồng so với quý 1 năm 2020, tỷ lệ tăng 661.134,8%. Đây là chi phí khấu hao của công trình P10/06 đã nghiệm thu đưa vào sử dụng theo biên bản 2108/BB-CNCL-QLDA ngày 20/02/2007 đến 31/03/2021 tài sản này đã hết thời hạn sử dụng 04 năm nên toàn bộ chi phí đầu tư này được hạch toán vào chi phí khác.

VII. LỢI NHUẬN:

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2021	Quý I năm 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lợi nhuận trước thuế TNDN gồm:	8.528.316.548	8.833.808.979	(305.492.431)	96,54%
Lợi nhuận nước	5.653.153.234	8.302.260.378	(2.649.107.144)	68,09%
Lợi nhuận cung cấp dịch vụ	3.563.328.818	850.705.868	2.712.622.950	418,87%
Lợi nhuận HĐTC	(196.913.229)	(458.701.712)	261.788.483	42,93%
Lợi nhuận khác	(491.252.275)	139.544.445	(630.796.720)	-352,04%
Thuế TNDN	1.559.684.410	1.578.087.374	(18.402.964)	98,83%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	6.968.632.138	7.255.721.605	(287.089.467)	96,04%

b. Thuyết minh:

Qua biến động của các chỉ tiêu doanh thu - chi phí nêu trên đã làm cho lợi nhuận trước thuế của quý 1/2021 là 8.528.316.548 đồng, thấp hơn quý 1 năm 2020 là 305.492.431 đồng, tỷ lệ giảm 3,46%. Lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2021 là 6.968.632.138 đồng thấp hơn quý 1 năm 2020 là 287.089.467 đồng, tỷ lệ giảm là 3,96%.

Người lập



Nguyễn Thị Kim Loan

Kế toán trưởng



Vũ Thị Như Quỳnh

